TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T; sinh năm: 1996; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Giáo viên; số CCCD: 025196008142 do Cục C - BCA cấp ngày 09/5/2021; địa chỉ: Khu B, xã V, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ; sinh năm: 1998; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Làm ruộng; số CCCD: 002098006554 của Cục C - BCA cấp ngày 27/5/2024; địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/12/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Đình Đ .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Đình Đ nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40 ngày 12/9/2019

của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Đình Đ xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Ánh T1, sinh ngày 14/12/2019, sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ánh T1 cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001222 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (Nguyễn Khắc H nộp thay). Trả lại cho chị T 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh